

Bản án số: 442/2024/DS-PT

Ngày: 16/5/2024

V/v tranh chấp đòi tài sản

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Như Hà.

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Hồng Giảng.

Bà Mai Thị Mỹ Tiên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Hồng- Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2024 và ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 694/2024/TLPT-DS ngày 25 háng 12 năm 2023, về việc “Tranh chấp đòi tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1590/2024/QĐPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5450/2024/QĐPT-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Hồng A, sinh năm 1970;

Địa chỉ: 75/16B B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Huy E, sinh năm 1986. Địa chỉ: 45 G, Phường C2, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 004018 ngày 06/4/2022, lập tại Văn phòng công chứng I). (Có mặt).

*Bị đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần K;

Trụ sở: Tòa nhà L, số 412 M, Phường O, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Điền Ánh T, sinh năm 1983 – Chuyên viên pháp chế (Văn bản ủy quyền số 296 ngày 24/6/2022). (Có mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn trình bày:*

Ngày 04/9/2013, Bà Đào Thị Hồng A mở sổ tiết kiệm số AA085791 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K với số tiền gốc là 2.200.000.000 đồng.

Ngày 09/9/2013, bà Trần Thị Thu Q-Phó trưởng phòng kế toán giao dịch và ngân quỹ ngân hàng TMCP K chi nhánh P, đến nhà Bà A đưa số tiền lãi của sổ tiết kiệm với số tiền gốc là 210.000.000 đồng (đã mở sổ tiết kiệm trước đó), kèm theo chứng từ rút lãi tiết kiệm, biên bản mượn sổ tiết kiệm,...trong số đó có kèm theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng-tài sản cầm cố là sổ tiết kiệm AA085791. Tại thời điểm ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng Bà A không hay biết.

Bà Q đã sử dụng giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng và sổ tiết kiệm trên để vay số tiền 2.000.000.000 đồng, số tiền vay này Bà A không được ngân hàng giải ngân bàn giao tiền mặt trực tiếp mà được nhân viên ngân quỹ Ngân hàng K chi nhánh P tự cân đối tài chính bù trừ với chứng từ nộp tiền vào tài khoản ngày 09/9/2013 của chi nhánh P theo yêu cầu của Bà Q.

Quá trình làm việc với Ngân hàng K, Bà A đã đồng ý ký xác nhận cho Bà Q mượn sổ tiết kiệm AA085791 để vay 2.000.000.000 đồng do ngân hàng đã thuyết phục Bà A ký xác nhận để hợp thức hóa hồ sơ, giấy tờ.

Tuy nhiên, theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng-tài sản cầm cố là sổ tiết kiệm AA085791 Bà A đã ký, từ ngày 09/3/2013 đến nay Bà A chưa nhận được số tiền vay 2.000.000.000 đồng, không ủy quyền (ủy quyền có công chứng) cho bất kỳ một cá nhân, tổ chức nào để nhận số tiền nêu trên.

Việc giao dịch cho vay tín dụng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Bà A và Ngân hàng K chưa phát sinh hiệu lực. Bà A không có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền vay 2.000.000.000 đồng và lãi phát sinh (nếu có) cho Ngân hàng K.

Tại Bản án sơ thẩm số 136/2018/HS-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên: “Buộc ngân hàng TMCP K hoàn trả cho Bà Đào Thị Hồng A số tiền 2.000.000.000 VNĐ.”

Tại Bản án phúc thẩm số 55/2019/HS-PT ngày 28/1/2019, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên: “Hủy một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền 2.000.000.000 VNĐ của Bà Đào Thị Hồng A, tách ra giải quyết thành một vụ án khác khi các bên có yêu cầu.”

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K phải hoàn trả số tiền 2.000.000.000 đồng của sổ tiết kiệm AA085791 và tiền lãi phát sinh tạm tính kể từ ngày 16/9/2013 đến ngày 13/7/2023 theo mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng là 393.000.000 đồng. Vì:

Thứ nhất: Bà A chưa nhận số tiền vay 2.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng từ Ngân hàng TMCP K Chi nhánh P nên không có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay 2.000.000.000 đồng.

Thứ hai: theo tờ trình của Bà A ngày 16/9/2013, Bà A viết trong trạng thái tâm lý lo sợ bị mất tiền, lại không hiểu biết các quy định của pháp luật, viết theo hướng dẫn của Ngân hàng để nhận lại số tiền còn lại và Ngân hàng cam kết sẽ hoàn trả lại khoản vay của Bà A hoặc chi trả theo sổ tiết kiệm khi có ý kiến của Cơ quan điều tra theo quy định. Nếu việc vay vốn là có thật thì tờ trình trên cũng không là căn cứ để Ngân hàng chi khoản tiền vay 2.000.000.000 đồng cho Trần Thị Thu Q bởi lẽ Ngân hàng có nghĩa vụ chi tiền cho đối tượng đứng tên vay vốn, mọi việc chi trả cho đối tượng khác phải có ủy quyền hợp pháp của người vay vốn. Nhưng qua kiểm tra hồ sơ thì Ngân hàng không xuất trình được ủy quyền nhận tiền vay vốn của Bà A.

*Bị đơn Ngân hàng TMCP K trình bày:*

Ngân hàng K không đồng ý với nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn Bà A.

Tại bản viết tay của Bà Đào Thị Hồng A ngày 16/9/2013 thể hiện việc Bà A đưa số tiền 2.000.000.000 đồng cho cô Q. Tại các biên bản làm việc giữa Bà A với Ngân hàng K không có nội dung nào thể hiện việc Ngân hàng hứa hẹn chi trả số tiền 2.000.000.000 đồng cho Bà A. Ngân hàng không tự hoạch toán khoản vay của Bà A mà chính khách hàng là Bà A tự nộp số tiền gốc 2.000.000.000 đồng và lãi để tất toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng. Ngoài ra, đề nghị không căn cứ vào quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm vì Bản án hình sự phúc thẩm đã hủy phần bản án sơ thẩm đối với số tiền 2.000.000.000 đồng của Bà A. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Bà A.

Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận N đã tuyên:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Đào Thị Hồng A về việc buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K phải hoàn trả số tiền 2.000.000.000 đồng là số tiền Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đã thu nợ của Bà Đào Thị Hồng A vào ngày 16/9/2013 và tiền lãi phát sinh tạm tính kể từ ngày 16/9/2013 đến ngày 13/7/2023 theo mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng là 393.000.000 đồng.

Ngoài ra bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/7/2023, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Đại diện nguyên đơn trình bày: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; trường hợp không thể sửa án thì đề nghị hủy án vì đưa thiếu người tham gia tố tụng là Bà Q, ông T, ông V, ông X để làm rõ có hay không việc Bà A vay và nhận số tiền 2 tỷ không.

Đại diện bị đơn đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo: Tòa cấp sơ thẩm đã nhận định, quyết định bản án khách quan toàn diện, phù hợp với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn kháng cáo là không có cơ sở. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm đưa người tham gia tố tụng chưa đầy đủ; cụ thể là cần đưa Bà Q, ông X, ông T, ông V để làm rõ về số tiền 2 tỷ đồng.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án của bà Trần Thị Thu Q, quá trình điều tra và bản án hình sự 136/2018/HS-ST ngày 3/5/2018 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện đầy đủ ý kiến của Bà Q, ông T, ông V, ông X liên quan đến các giao dịch dân sự về số tiền đang tranh chấp, do đó trong vụ án tranh chấp giữa Bà A và Ngân hàng cấp sơ thẩm không cần đưa những người này vào tham gia tố tụng là phù hợp. Yêu cầu kháng cáo này của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Về nội dung:

Về yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 2.000.000.000 đồng thu nợ của Bà A ngày 16/9/2013 và tiền lãi phát sinh tạm tính kể từ ngày 16/9/2013 đến ngày 13/7/2023 theo mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng là 393.000.000 đồng;

Căn cứ sổ tiết kiệm AA 085791 ngày 04/9/2013 đứng tên Bà A tại Ngân hàng K số tiền 2.200.000.000;

Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 0258/001/2013/HĐTK để vay số tiền 2.000.0000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, mục đích vay tiêu dùng, biện pháp bảo đảm là cầm cố sổ tiết kiệm AA 08579;

Xét giấy đề nghị vay vốn trên Bà A tự nguyện ký nên phát sinh hiệu lực tại thời điểm giao kết theo Điều 405 Bộ luật Dân sự 2005, đồng thời hai bên đã xác nhận Bà A đã tất toán khoản tiền vay trên và hợp đồng chấm dứt từ ngày 16/9/2013;

Tại Giấy rút tiết kiệm lập ngày 16/9/2013 và Sổ phụ tài khoản tiền vay số 0012522012003 đối với khách hàng Đào Thị Hồng Vân thể hiện vào ngày 16/9/2013 khách hàng Đào Thị Hồng Vân rút sổ tiết kiệm AA 085791 và được Ngân hàng K chi tiền mặt gốc lãi của sổ tiết kiệm AA 085791 là 2.200.000.000 đồng tiền gốc và 880.000 đồng tiền lãi;

Tại Sổ phụ tài khoản tiền gửi số 0017045012536 đối với khách hàng Đào Thị Hồng Vân thể hiện vào ngày 16/9/2013 khách hàng nộp số tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi 4.666.667 đồng để tất toán Hợp đồng tín dụng số 0258/001/2013/HĐTK;

Căn cứ tài liệu, chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định vào ngày 16/9/2013 Bà A đã rút sổ sổ tiết kiệm AA 085791, nhận tiền gốc lãi theo sổ tiết kiệm đồng thời nộp lại số tiền 2.004.666.667 đồng để thanh toán Hợp đồng tín dụng số 0258/001/2013/HĐTK;

Theo những chứng cứ trên thì sau thời điểm lập Hợp đồng tín dụng số 0258/001/2013/HĐTK ngày 09/9/2013, mặc dù Bà A cho rằng chưa nhận được

tiền vay nhưng vào ngày 16/9/2013 Bà A đã thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng là xử lý tài sản cầm cố sổ tiết kiệm AA 085791 để thanh toán khoản nợ gốc lãi cho Ngân hàng K. Như vậy, có cơ sở khẳng định Bà A chấp nhận các thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0258/001/2013/HĐTK ngày 09/9/2013, thực hiện đúng theo quyền, nghĩa vụ các bên được nêu tại hợp đồng tín dụng và đồng ý tất toán các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng là phù hợp quy định tại Điều 396, 412, 414 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, việc Bà A nộp số tiền 2.000.000.000 đồng cho Ngân hàng K vào ngày 16/9/2013 để tất toán khoản vay Hợp đồng tín dụng số 0258/001/2013/HĐTK ngày 09/9/2013 có hiệu lực, phù hợp quy định tại Điều 121, 122 Bộ luật Dân sự.

Đồng thời căn cứ tờ trình gửi ban giám đốc Ngân hàng K-Chi nhánh P có nội dung: “... Vào ngày 9/9/2013 cô Q có mời tôi tham gia đáo nợ 2 tỷ, vì không có tiền nên tôi đã thế chấp sổ tiết kiệm 2.200.000.000đ để vay 2 tỷ đồng. Nhưng tôi chỉ ký vào hợp đồng vay, giấy rút tiền, giấy nộp tiền mà không trực tiếp nhận tiền từ Ngân hàng, toàn bộ số tiền vay 2 tỷ đồng cô Q đã nhận trực tiếp tại Ngân hàng. Chỉ vì thiếu suy nghĩ, tham lam nên tôi đã đưa tiền 2 tỷ và sổ tiết kiệm 210.000.000đ cho cô Q...” Như vậy khoản tiền trên giữa Bà Q có thỏa thuận giao dịch riêng, không liên quan đến trách nhiệm của Ngân hàng.

Từ những nhận định trên, xét cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá vụ án toàn diện, đúng quy định, kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 272, Điều 273, Khoản 2 Điều 296 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bà Đào Thị Hồng A.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn Bà Đào Thị Hồng A phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà A đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2022/0000806 ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận N;
- Tòa án nhân dân Quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Huỳnh Thị Như Hà**